

Bản án số: 201/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-06-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé và bà Huỳnh Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2026, về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh ngày 28/05/1966; căn cước công dân số 075166000067; địa chỉ: A P, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện M, sinh ngày 01/01/1970; căn cước công dân số: 08907008728; địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Thiện M là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/2001 tại Phường A, quận B (nay là phường G). Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông M đã bỏ đi từ năm 2015, tính đến nay khoảng 10 năm, không còn liên lạc, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng. Bà T đã ly thân nhiều năm, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, bà T làm đơn này kính mong Quý Tòa xem xét giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thiện M chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung tên là Nguyễn Huỳnh N,

sinh năm 2001. Hiện con đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thiện M không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bích T đối với ông Nguyễn Thiện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Thiện M. Ông M có nơi cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Phạm Thị Bích T có văn bản xin vắng mặt, ông Nguyễn Thiện M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích T và ông Nguyễn Thiện M là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 124 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 29/12/2000. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T xin ly hôn với ông M, bà T, ông M sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Bích T trình bày là vợ chồng T và ông M có 01 con chung tên là Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 2001. Hiện con đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Bích T ly hôn với ông Nguyễn Thiện M.

2) Bà Phạm Thị Bích T trình bày là vợ chồng T và ông M có 01 con chung tên là Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 2001. Hiện con đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3) Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 304655 ngày 06/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Bích T đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND [xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang](#);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng